

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-ST
Ngày: 13-3-2024
“V/v Tranh chấp về dân sự - Hợp
đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh

2. Ông Bùi Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao
Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
685/2023/TLST-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2023, về việc “Tranh chấp về dân
sự - Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
35/2024/QĐXXST-DS ngày 29/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số:
41/2024/QĐST-DS ngày 22/02/2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ Địa chỉ: Số 1 Trần Quang K,
Phường T, Quận H, Thành phố H. **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Phan
Đức T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ. **Đơn vị được ủy quyền
khởi kiện:** Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ. Do ông Nguyễn Văn P, chức
vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ. **Người đại diện theo ủy
quyền của ông P:** Ông Phan Văn C, sinh năm 1978, chức vụ: Phó Giám đốc;

Địa chỉ: Số B, đường L, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đ.

- **Bị đơn:** Ông Lê Đạt T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ B, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đ.

(Ông C có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên
đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/3/2020, anh Lê Đạt T (Tổ B, khóm M, phường M, thành phố C,

tỉnh Đ), đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2020/7837437/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ vay số tiền: 200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích: Vay tiêu dùng, lãi suất cho vay thả nổi, định kỳ 06 tháng điều chỉnh một lần vào ngày 01/01 và 01/7/hàng năm, lãi suất Ngân hàng TMCP Đ-CN Đ tại thời điểm điều chỉnh không vượt quá quy định của từng thời kỳ. Lãi suất cho vay trong hạn, kỳ hiện tại: 10.6%. Lãi suất quá hạn bằng: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Dư nợ vay hiện tại: 152.722.920 đồng. Tài sản bảo đảm: Không (cho vay có nguồn trả nợ từ lương).

Nay Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Đạt T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến hết ngày 15/10/2023 như sau: Nợ gốc: 152.722.920 đồng; Lãi cộng dồn: 56.026.950 đồng; Lãi phạt gốc quá hạn: 5.514.191 đồng; Tổng cộng: 214.264.061 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 16/10/2023 cho đến khi trả hết nợ theo HĐTD số 01/2020/7837437/HĐTD ngày 17/3/2020 giữa Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ - Đ và ông Lê Đạt T (đính kèm bảng kê tính lãi).

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, ông Phan Văn C trình bày :*

Ông Lê Đạt T ký kết Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 01/2020/7837437/HĐTD ngày 16/3/2020 với Ngân hàng TMCP Đ, để vay số tiền 200.000.000 đồng bằng hình thức vay tín chấp quỹ lương, tại thời điểm vay tiền ông Thái làm việc tại Công ty Cổ Phần X nhưng hiện tại ông T đã nghỉ việc nên Ngân hàng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với Công ty Cổ Phần X. Ngân hàng TMCP Đ chỉ yêu cầu ông T thanh toán số tiền vay và lãi theo thỏa thuận của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 01/2020/7837437/HĐTD ngày 16/3/2020 cụ thể đến ngày xét xử và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Tại phiên tòa, Ngân hàng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lê Đạt T trả số tiền vay gốc còn nợ và lãi tính đến ngày xét xử ngày 13/3/2024 theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 01/2020/7837437/HĐTD ngày 16/3/2020 cụ thể như sau: Nợ gốc: 152.722.920 đồng; Lãi trong hạn: 62.635.459 đồng; Lãi quá hạn: 7.152.452 đồng. Tổng cộng nợ vay gốc và lãi là 222.510.831 đồng (có bảng tính lãi kèm theo) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Đối với bị đơn Lê Đạt T, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng

TMCP Đ, không giao nộp các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng tín dụng*”.

Tranh chấp về hợp đồng dân sự giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn có nơi cư trú tại phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Đạt T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bị đơn Lê Đạt T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay còn nợ và lãi của Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 01/2020/7837437/HĐTD ngày 16/3/2020. Cụ thể, Nợ gốc: 152.722.920 đồng; tiền lãi tính đến ngày 13/3/2024 gồm lãi trong hạn: 62.635.459 đồng; Lãi quá hạn: 7.092.872 đồng. Tổng cộng số tiền nợ vay gốc và lãi là 222.451.251 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 01/2020/7837437/HĐTD ngày 16/3/2020, các thông báo nợ vay đến hạn và thông báo chuyển nợ quá hạn, biên bản làm việc giữa Ngân hàng và ông Lê Đạt T vào các ngày 24/8/2020 và ngày 18/02/2022 thể hiện, ông Lê Đạt Thái có vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích: Vay tiêu dùng, lãi suất cho vay thả nổi, định kỳ 03 tháng điều chỉnh 01 lần vào ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, lãi suất Ngân hàng TMCP Đ - CN Đ tại thời điểm điều chỉnh không vượt quá quy định của Ngân hàng TMCP Đ từng thời kỳ. Lãi suất cho vay trong hạn kỳ hiện tại: 10.6%. Lãi suất quá hạn bằng: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Chuyển nợ quá hạn ngày

30/11/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông T đã trả được số tiền 64.417.780 đồng (Trong đó, nợ gốc 47.277.080 đồng, lãi 17.127.920 đồng và lãi quá hạn 12.780 đồng), còn nợ số tiền vay gốc 152.722.920 đồng chưa thanh toán và tiền lãi, tính đến ngày 13/3/2024 số tiền lãi trong hạn 62.635.459 đồng và số tiền lãi quá hạn 7.152.452 đồng. Tổng cộng số tiền vay và lãi ông T chưa thanh toán cho Ngân hàng là 222.510.831 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc ông Lê Đạt Ti có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay và lãi là 222.510.831 đồng (trong đó, số tiền vay 152.722.920 đồng, số tiền lãi trong hạn 62.635.459 đồng; số tiền lãi quá hạn 7.152.452 đồng).

[3] Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án, thì không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác, không yêu cầu gì đối với cơ quan tố chức khác.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc ông Lê Đạt T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay và lãi là 222.510.831 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm mười nghìn tám trăm ba mươi một đồng).

(Trong đó, số tiền vay 152.722.920 đồng, số tiền lãi trong hạn 62.635.459 đồng; số tiền lãi quá hạn 7.152.452 đồng) của Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 01/2020/7837437/HĐTD ngày 16/3/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 13/3/2024, ông Lê Đạt T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà ông Lê Đạt T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.357.000 đồng (năm triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số 0000100 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Ông Lê Đạt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 11.125.500 đồng (mười một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ong Thị Ngọc Tâm